

Bản án số: 74/2023/DS-ST.  
Ngày: 05-7- 2023  
V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Ngô Thị Mỹ Hạnh**

- *Các Hội thẩm nhân dân*

**Ông Hoàng Văn Thái**

**Bà Trần Thị Mỹ Xuân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thạch Thị Diễm Trinh** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thúy Hằng**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2023/TLST – DS ngày 29/3/2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2023/QĐXXST – DS ngày 14/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị S**, sinh năm 1949 (vắng mặt)

Địa chỉ khóm A, phường B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn Chị Phạm Thị D, sinh năm 1999 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Mỹ Ph, xã Mỹ B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng

Địa chỉ liên hệ: khóm C, phường B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng

- Bị đơn: Ông **Võ Long V**, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Ông V ủy quyền cho bà Dương Ngọc B theo văn bản ủy quyền ngày 27/6/2023. (Bà B có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Ngọc B, sinh năm 1985 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: khóm C, phường B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**- Theo đơn cũng như đại diện ủy quyền nguyên đơn trình bày như sau:**

Nguyên trước đây ông Võ Long V có vay của bà S số tiền 66.000.000 đồng có thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thực chất số tiền bà S cho ông V vay là do bà vay của người khác. Sau đó ông V có trả dần được 20.000.000 đồng còn nợ lại 46.000.000 đồng và ông V có làm biên nhận đề ngày 30/12/2020 thừa nhận còn nợ bà S số tiền 46.000.000 đồng và ông V hứa trả lãi 5%/tháng, ông V hứa vài tháng sau sẽ trả tiền cho bà S nhưng đến năm 2021 ông V chỉ trả được 6.000.000 đồng còn nợ lại 40.000.000 đồng thì ông V không chịu trả cho bà S nữa, ông V cũng không đóng lãi suất theo thỏa thuận.

Việc ông V vay tiền có vợ là bà Dương Ngọc B là vợ cũng biết nên nguyên đơn nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông V và bà B phải trả cho bà S số tiền còn nợ là 40.000.000 đồng nhưng vợ chồng ông V, bà B không đồng ý nên nguyên đơn có làm đơn yêu cầu tổ hòa giải khóm 5 hòa giải và tổ hòa giải khóm 5 có tổ chức hòa giải nhưng không thành.

Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu vợ chồng ông Võ Long V, bà Dương Ngọc B liên đới trả cho bà Bùi Thị S số tiền 7.000.000 đồng.

**- Theo ý kiến trình bày của bà Dương Ngọc B là đại diện ủy quyền của bị đơn cũng là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Bà là vợ của ông V. Theo yêu cầu khởi kiện của bà S thì vợ chồng bà không đồng ý vì vợ chồng bà chỉ còn thiếu bà S 7.000.000 đồng. Năm 2018 thì vợ chồng bà có vay của bà S 60.000.000 đồng vay 2 lần: lần đầu chồng bà vay 20.000.000 đồng, lần 2 cũng chồng bà đi vay số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là bạc 10, không thỏa thuận thời gian trả vốn. Sau khi vay vợ chồng bà đóng lãi 6.000.000 đồng/tháng đóng đến khoảng năm 2020 chồng bà bở nợ không còn khả năng đóng lãi nữa. Sau đó vợ chồng bà xin bà S trả vốn dần bà S đồng ý. Sau đó chồng bà mới làm giấy trả nợ cho bà S và vợ chồng bà đã trả cho bà S được số tiền 53.000.000 đồng vốn, chỉ còn thiếu lại bà S 7.000.000 đồng. Theo giấy trả nợ cho bà S thì bà là người trực tiếp trả tiền cho bà S tại nhà con rể bà S tên là Cương (tiệm thuốc bắc) bà S có ký chữ "sáu". Lần trả ngày 16/5 là trả vào năm 2020, còn số tiền 4.000.000 đồng nhưng bà S ghi là 40.000 và bà S trực tiếp ký vào. Đối với ngày 28/4 cũng năm 2020 là chồng bà trả cho bà S 5.000.000 đồng dòng chữ là bà S ghi. Đối với các ngày 13/02/2020 trả 8.000.000 đồng; ngày 06/3/2020 âm lịch trả 4.000.000 đồng và ngày 11/4/2022 al trả 3.000.000 đồng đều là do con rể bà S tên Cương ký nhận tiền dùm cho bà S (do bà S không có ở nhà nên ông Cương nhận tiền dùm).

Ông V không có vay tiền của bà Tú số tiền 46.000.000 đồng nhưng chữ ký là của ông V, chồng bà không biết bà đã trả cho bà S được số tiền 53.000.000 đồng, vào ngày 30 của tết năm 2020 bà S mới nói với chồng bà ra ký nhận số tiền mà chồng bà còn nợ bà Tú 46.000.000 đồng với lý do bà S nói tiền này bà mượn của bà Tú, chồng bà tưởng bà còn thiếu số tiền này nên mới ký tên nhưng khi chồng bà biết bà đã trả cho bà S số tiền 53.000.000 đồng nên chồng bà không đồng ý trả tiền này. Đối với số tiền bà Tú nhận 6.000.000 đồng thì người hàng xóm tên Ngũ có nhờ chồng bà trả cho bà S số tiền này nhưng bà S nói là

của bà Tú nên chồng bà mới đưa số tiền này cho bà Tú, 6 nhỏ là tên thường gọi của bà Bùi Thị S.

Nay bà S chỉ yêu cầu vợ chồng bà trả 7.000.000 đồng thì vợ chồng bà đồng ý trả cho bà S số tiền 7.000.000 đồng nhưng do điều kiện hiện nay khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi dứt số nợ này.

***Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đã phát biểu ý kiến:***

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu vợ chồng bà B, ông V trả số tiền vay còn nợ là 7.000.000 đồng. Bà B, ông V cũng thừa nhận thiếu và đồng ý trả nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh. Tuy nhiên, phía bà B, ông V yêu cầu trả dần phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý nên không chấp nhận việc trả dần. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Võ Long V, bà Dương Ngọc B trả lại cho bà S số tiền 7.000.000 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục:** tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bà Bùi Thị S, ông Võ Long V nhưng đã có ủy quyền. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà S, ông V.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông Võ Long V, bà Dương Ngọc B liên đới trả số tiền 7.000.000 đồng, xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nghĩ nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn.

[2] **Về nội dung vụ án:**

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị S cho rằng vào năm 2018 có cho vợ chồng ông Võ Long V vay số tiền 66.000.000 đồng việc vay có làm biên nhận, bà Dương Ngọc B là vợ của ông Vương cũng biết việc này. Sau khi vay phía vợ chồng ông V còn nợ lại 7.000.000 đồng nhưng đến nay chưa trả nên yêu cầu phía ông V, bà B liên đới trả số tiền này cho bà S. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Ngọc B cho rằng trước đây vợ chồng bà có vay tiền của bà S 02 lần với số tiền là 60.000.000 đồng, sau đó đã trả cho bà S được 53.000.000 đồng còn nợ lại 7.000.000 đồng, nay bà S yêu cầu trả số

tiền 7.000.000 đồng vợ chồng bà cũng đồng ý trả nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét việc, nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều xác định có vay tiền của bà S là có xảy ra trên thực tế, việc ông V, bà B thừa nhận sau khi vay còn nợ lại bà S số tiền là 7.000.000 đồng và đồng ý trả nên đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà S yêu cầu bà B, ông V trả số tiền 7.000.000 đồng, phía bị đơn và người liên quan thừa nhận thiếu bà S số tiền 7.000.000 đồng đồng ý trả nhưng xin trả dần phía đại diện nguyên đơn không đồng ý nghĩ nên căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự Điều 27 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Võ Long V, bà Dương Ngọc B có trách nhiệm liên đới trả cho bà Bùi Thị S số tiền 7.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với ý kiến yêu cầu được trả dần số tiền 7.000.000 đồng của vợ chồng bà B phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý cho nên việc thỏa thuận trả tiền các bên có thể thỏa thuận ở giai đoạn thi hành án.

[3] Tại tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến là phù hợp với nhận định của HĐXX, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nghĩ nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thị S thuộc diện miễn tạm ứng án phí, án phí và có yêu cầu nên không đặt ra xem xét về tiền tạm ứng án phí. Bà Dương Ngọc B, ông Võ Long V chịu 350.000 đồng (7.000.000 đồng x 5%) tiền án phí đối với phần nghĩa vụ phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên.

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 92, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, 466, 467 Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình 2014

**\* Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị S về việc yêu cầu ông Võ Long V, bà Dương Ngọc B liên đới trả số tiền vay còn thiếu là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Buộc ông Võ Long V, bà Dương Ngọc B liên đới trả cho bà Bùi Thị S số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo

mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Long V, bà Dương Ngọc B cùng chịu 350.000 đồng tiền án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Mỹ Hạnh**